TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG** Bản án số: 289/2023/DS-PT Ngày: 19/5/2023 V/v "*Tranh chấp Hợp đồng vay, hợp đồng góp hụi*"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Tính**

Các Thẩm phán: Ông **Võ Thanh Bình**

Bà **Nguyễn Thanh Nhàn**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:*** Bà Phan Thị Thanh Xuân- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 19/5/2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 214/2022DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 538/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị X**, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1. Ông **Ngô Văn L**, sinh năm 1962 (có mặt);

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh V**, sinh năm 1961 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

******* *Tại đơn khởi kiện ngày 14/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị X trình bày:*

Bà là chủ hụi. Ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh V có tham gia 16 dây hụi do bà làm chủ hụi, cụ thể:

Dây 1: Hụi khui ngày 10/12/2021 (âm lịch), hụi loại 5.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 33 phần, ông L, bà V tham gia 03 phần và đã hốt hụi ở lần khui hụi thứ 2, thứ 4, thứ 5. Ông L, bà V đã đóng hụi chết được 03 kỳ thì ngưng. Hiện ông L, bà V còn nợ 27 kỳ hụi chưa đóng với số tiền 405.000.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 8/2024 âm lịch.

Dây 2: Hụi khui ngày 15/11/2021 (âm lịch), hụi loại 2.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 26 phần, ông L, bà V tham gia 02 phần và đã hốt hụi ở lần khui hụi thứ 3, thứ 5. Ông L, bà V đã đóng hụi chết được 02 kỳ thì ngưng. Hiện ông L, bà V còn nợ 19 kỳ hụi chưa đóng với số tiền 76.000.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 12/2023 âm lịch.

Dây 3: Hụi khui ngày 20/8/2021 (âm lịch), hụi loại 3.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 31 phần, ông L, bà V tham gia 02 phần và đã hốt hụi ở lần khui hụi thứ 2, thứ 3. Ông L, bà V đã đóng hụi chết được 07 kỳ thì ngưng. Hiện ông L, bà V còn nợ 21 kỳ hụi chưa đóng với số tiền 126.000.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 02/2024 âm lịch.

Dây 4: Hụi khui ngày 30/4/2021 (âm lịch), hụi loại 3.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 30 phần, ông L, bà V tham gia 02 phần và đã hốt hụi ở kỳ 2 và kỳ 3. Ông L, bà V đã đóng hụi chết được 12 kỳ thì ngưng. Hiện ông L, bà V còn nợ 16 kỳ hụi chưa đóng với số tiền 96.000.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 9/2023 âm lịch.

Dây 5: Hụi khui ngày 06/02/2021 (âm lịch), hụi loại 2.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 26 phần, ông L, bà V tham gia 02 phần và đã hốt hụi ở lần khui hụi thứ 1, thứ 4. Ông L, bà V đã đóng hụi chết được 13 kỳ thì ngưng. Hiện ông L, bà V còn nợ 10 kỳ hụi chưa đóng với số tiền 40.000.000 đồng. Hụi mãn vào ngày 06/3/2023 âm lịch.

Dây 6: Hụi khui ngày 30/10/2020 (âm lịch), hụi loại 2.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 24 phần, ông L, bà V tham gia 01 phần và đã hốt hụi ở lần khui hụi thứ 1. Ông L, bà V đã đóng hụi chết được 19 kỳ thì ngưng. Hiện ông L, bà V còn nợ 04 kỳ hụi chưa đóng với số tiền 8.000.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 9/2022 âm lịch.

Dây 7: Hụi khui ngày 25/7/2020 (âm lịch), hụi loại 5.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 24 phần, ông L, bà V tham gia 01 phần và đã hốt hụi ở lần khui hụi thứ 1. Ông L, bà V đã đóng hụi chết đến tháng 7/2022 (âm lịch) thì ngưng. Hiện ông L, bà V còn nợ 01 kỳ hụi chưa đóng với số tiền 5.000.000 đồng. Hụi mãn vào ngày 25/8/2022 âm lịch.

Dây 8: Hụi khui ngày 15/6/2020 (âm lịch), hụi loại 3.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 32 phần, ông L, bà V tham gia 02 phần và đã hốt hụi ở lần khui hụi thứ 4, thứ 5. Ông L, bà V đã đóng hụi chết được 19 kỳ thì ngưng. Hiện ông L, bà V còn nợ 8 kỳ hụi chưa đóng với số tiền 48.000.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 01/2023 âm lịch.

Dây 9: Hụi khui ngày 27/01/2019 (âm lịch), hụi loại 10.000.000 đồng, 03 tháng khui một lần, hụi gồm 18 phần, ông L, bà V tham gia 02 phần và đã hốt hụi ở lần khui hụi thứ 1, thứ 3. Ông L, bà V đã đóng hụi chết đến kỳ thứ 14 (tháng 4/2022 âm lịch) thì ngưng. Hiện ông L, bà V còn nợ 04 kỳ hụi. Trong đó, hụi đến hạn là 01 kỳ vào tháng 7/2022 âm lịch với số tiền 20.000.000 đồng và 03 kỳ chưa đến hạn với số tiền 60.000.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 4/2023 âm lịch.

Dây 10: Hụi khui ngày 10/8/2019 (âm lịch), hụi loại 5.000.000 đồng, 03 tháng khui một lần, hụi gồm 21 phần, ông L, bà V tham gia 01 phần và đã hốt hụi ở lần khui hụi thứ 6. Ông L, bà V đã đóng hụi chết đến kỳ thứ 12 (tháng 5/2022 âm lịch) thì ngưng. Hiện ông L, bà V còn nợ 09 kỳ hụi. Trong đó, hụi đến hạn là 01 kỳ vào tháng 8/2022 âm lịch với số tiền 5.000.000 đồng và 08 kỳ chưa đến hạn với số tiền 40.000.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 8/2024 âm lịch.

Dây 11: Hụi khui ngày 19/01/2020 (âm lịch), hụi loại 5.000.000 đồng, 03 tháng khui một lần, hụi gồm 24 phần, ông L, bà V tham gia 01 phần và đã hốt hụi ở lần khui hụi thứ 4. Ông L, bà V đã đóng hụi chết đến kỳ thứ 10 (tháng 4/2022 âm lịch) thì ngưng. Hiện ông L, bà V còn nợ 14 kỳ hụi. Trong đó, hụi đến hạn là 01 kỳ vào tháng 7/2022 âm lịch với số tiền 5.000.000 đồng và 13 kỳ chưa đến hạn với số tiền 65.000.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 10/2025 âm lịch.

Dây 12: Hụi khui ngày 19/01/2020 (âm lịch), hụi loại 10.000.000 đồng, 03 tháng khui một lần, hụi gồm 22 phần, ông L, bà V tham gia 01 phần và đã hốt hụi ở lần khui hụi thứ 1. Ông L, bà V đã đóng hụi chết đến kỳ thứ 10 (tháng 4/2022 âm lịch) thì ngưng. Hiện ông L, bà V còn nợ 12 kỳ hụi. Trong đó, hụi đến hạn là 01 kỳ vào tháng 7/2022 âm lịch với số tiền 10.000.000 đồng và 11 kỳ chưa đến hạn với số tiền 110.000.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 4/2025 âm lịch.

Dây 13: Hụi khui ngày 29/4/2020 (âm lịch), hụi loại 10.000.000 đồng, 03 tháng khui một lần, hụi gồm 20 phần, ông L, bà V tham gia 01 phần và đã hốt hụi ở lần khui hụi thứ 2. Ông L, bà V đã đóng hụi chết đến kỳ thứ 9 (tháng 4/2022 âm lịch) thì ngưng. Hiện ông L, bà V còn nợ 11 kỳ hụi. Trong đó, hụi đến hạn là 01 kỳ vào tháng 7/2022 âm lịch với số tiền 10.000.000 đồng và 10 kỳ chưa đến hạn với số tiền 100.000.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 01/2025 âm lịch.

Dây 14: Hụi khui ngày 29/4/2020 (âm lịch), hụi loại 5.000.000 đồng, 03 tháng khui một lần, hụi gồm 22 phần, ông L, bà V tham gia 01 phần và đã hốt hụi ở lần khui hụi thứ 6. Ông L, bà V đã đóng hụi chết đến kỳ thứ 10 (tháng 4/2022 âm lịch) thì ngưng. Hiện ông L, bà V còn nợ 13 kỳ hụi. Trong đó, hụi đến hạn là 01 kỳ vào tháng 7/2022 âm lịch với số tiền 5.000.000 đồng và 12 kỳ chưa đến hạn với số tiền 60.000.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 7/2025 âm lịch.

Dây 15: Hụi khui ngày 17/01/2021 (âm lịch), hụi loại 5.000.000 đồng, 03 tháng khui một lần, hụi gồm 21 phần, ông L, bà V tham gia 01 phần và đã hốt hụi ở lần khui hụi thứ 2. Ông L, bà V đã đóng hụi chết đến kỳ thứ 6 (tháng 4/2022 âm lịch) thì ngưng. Hiện ông L, bà V còn nợ 15 kỳ hụi. Trong đó, hụi đến hạn là 01 kỳ vào tháng 7/2022 âm lịch với số tiền 5.000.000 đồng và 14 kỳ chưa đến hạn với số tiền 70.000.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 01/2026 âm lịch.

Dây 16: Hụi khui ngày 17/01/2021 (âm lịch), hụi loại 10.000.000 đồng, 03 tháng khui một lần, hụi gồm 21 phần, ông L, bà V tham gia 01 phần và đã hốt hụi ở lần khui hụi thứ 2. Ông L, bà V đã đóng hụi chết đến kỳ thứ 6 (tháng 4/2022 âm lịch) thì ngưng. Hiện ông L, bà V còn nợ 15 kỳ hụi. Trong đó, hụi đến hạn là 01 kỳ vào tháng 7/2022 âm lịch với số tiền 10.000.000 đồng và 14 kỳ chưa đến hạn với số tiền 140.000.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 01/2026 âm lịch.

Ngoài ra, bà V, ông L có vay của bà 02 lần tiền: Ngày 27/8/2021, vay số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 19/5/2022, vay số tiền 70.000.000 đồng

Từ khi hốt hụi đến nay, bà V, ông L đã vi phạm nghĩa vụ góp hụi. Nay, bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh V, ông Nguyễn Văn L trả cho bà tiền vay 170.000.000 đồng và hụi đến hạn là 204.000.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật. Đối với số tiền hụi chưa đến hạn thì trả theo kỳ khui hụi với số tiền 1.315.000.000 đồng, ngày trả tiền được ấn định là ngày 30 âm lịch hàng tháng hoặc hàng quý.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh V trình bày:*

Bà có tham gia 16 dây hụi như đơn khởi kiện ngày 14/7/2022 của bà Lê Thị X. Bà thống nhất với bà X về dây hụi, loại hụi, số hụi viên, số phần tham gia, bà đã hốt hụi ở 16 dây hụi và còn nợ tiền hụi như bà X trình bày là 1.519.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà có vay của bà Lê Thị X 02 lần tiền:

- Ngày 27/8/2021, bà vay của bà X số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng.

- Ngày 19/5/2022, bà vay của bà X số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 9%/tháng.

Tổng số tiền đã vay 170.000.000 đồng.

Bà thừa nhận có nợ bà X số tiền hụi đến hạn và chưa đến hạn như bà X trình bày. Do hoàn cảnh khó khăn bà không có khả năng chi trả bà xin bà X cho trả theo tiền vốn lúc đóng hụi, xin trả trong hạn 5 năm. Số tiền nợ hụi sẽ được chia đều ra cho 5 năm trả nợ, ấn định là ngày 31/12 hàng năm, mỗi năm trả 337.800.000 đồng. Ngày trả nợ đầu tiên là ngày 31/12/2022 và kết thúc là ngày 31/12/2026.

** Tại phiên tòa, ông Ngô Văn L trình bày:*

Ông không biết việc vay mượn tiền và nợ hụi giữa bà Nguyễn Thị Thanh V và bà Lê Thị X nhưng ông đồng ý cùng bà V trả nợ cho bà X. Ông xin trả tiền hụi theo tiền hụi sống. Ông xin bà X cho ông gia hạn thời hạn trả nợ đến khi nào ông bán được đất.

Bản án dân sự sơ thẩm số 214/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 33, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh V, ông Ngô Văn L có nghĩa vụ liên đới phải trả cho bà Lê Thị X số tiền 374.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với số tiền hụi 1.315.000.000 đồng, bà V, ông L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà X theo kỳ khui hụi, cụ thể như sau:

- Ngày 30/9/2022, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 43.000.000 đồng.
- Ngày 30/10/2022, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 111.000.000 đồng.
- Ngày 30/11/2022, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 41.000.000 đồng.
- Ngày 30/12/2022, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 41.000.000 đồng.
- Ngày 30/01/2023, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 111.000.000 đồng.
- Ngày 30/02/2023, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 35.000.000 đồng.
- Ngày 30/03/2023, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 35.000.000 đồng.
- Ngày 30/4/2023, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 101.000.000 đồng.
- Ngày 30/5/2023, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 31.000.000 đồng.
- Ngày 30/6/2023, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 31.000.000 đồng.
- Ngày 30/7/2023, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 81.000.000 đồng.
- Ngày 30/8/2023, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 31.000.000 đồng.
- Ngày 30/9/2023, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 31.000.000 đồng.
- Ngày 30/10/2023, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 75.000.000 đồng.
- Ngày 30/11/2023, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 25.000.000 đồng.
- Ngày 30/12/2023, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 25.000.000 đồng.
- Ngày 30/01/2024, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 71.000.000 đồng.
- Ngày 30/02/2024, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 21.000.000 đồng.
- Ngày 30/3/2024, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 15.000.000 đồng.
- Ngày 30/4/2024, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 50.000.000 đồng.
- Ngày 30/5/2024, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 15.000.000 đồng.
- Ngày 30/6/2024, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 15.000.000 đồng.
- Ngày 30/7/2024, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 65.000.000 đồng.
- Ngày 30/8/2024, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 15.000.000 đồng.
- Ngày 30/9/2024, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 15.000.000 đồng.

- Ngày 30/10/2024, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 45.000.000 đồng.

- Ngày 30/01/2025, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 45.000.000 đồng.

- Ngày 30/4/2025, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 35.000.000 đồng.

- Ngày 30/7/2025, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 25.000.000 đồng.

- Ngày 30/10/2025, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 20.000.000 đồng.

- Ngày 30/01/2026, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 15.000.000 đồng.

Nếu bà V, ông L vi phạm bất kỳ lần trả nợ nào theo thỏa thuận trên thì bà V, ông L có trách nhiệm trả đủ số tiền nợ còn lại cho bà X, bà X có quyền yêu cầu thi hành án buộc bà V, ông L trả hết số nợ còn lại làm một lần.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Hoàn lại cho bà Lê Thị X số tiền 31.335.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016502 ngày 26/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 10/10/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh V kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận cho bà V được trả vốn phần tiền hụi với số tiền là 900.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không cung cấp bổ sung tài liệu chứng cứ mới.

- Bị đơn ông Ngô Văn L cho rằng ông không biết việc tham gia chơi hụi và vay mượn tiền giữa bà X với bà V, ông không có tham gia, ông và bà V vẫn là vợ chồng nhưng đã sống ly thân hơn 07 năm và sống nhà riêng cách nhà bà V 50m.

- Nguyễn đơn bà Lê Thị X đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh V giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh V; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 214/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Cấp sơ thẩm căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị X xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hụi" là có căn cứ.

[2]. Về thời hạn kháng cáo: Xét thấy, ngày 26/9/2022, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 214/2022/DS-ST, đến ngày 10/10/2022 bị đơn Nguyễn Thị Thanh V kháng cáo, nộp biên lại thu tạm ứng án phí phúc thẩm. Như vậy, kháng cáo của bà V còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật dân sự nên được xem xét.

[3]. Xét nội dung kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh V kháng cáo cùng yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận cho bà trả tiền hụi theo vốn gốc đã hốt 900.000.000 đồng.

[3.1]. Xét thấy bà Nguyễn Thị Thanh V thừa nhận có tham gia trong 16 (mười sáu) dây hụi như bà Lê Thị X trình bày trong đơn khởi kiện, bà V đã hốt hết các phần hụi tham gia trong các dây hụi trên, hiện bà V cò nợ bà X số tiền hụi đến hạn 204.000.000 đồng, tiền hụi chưa đến hạn 1.315.000.000 đồng và số tiền vay 170.000.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X, buộc bà Nguyễn Thị Thanh V có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị X số tiền hụi đến hạn và tiền vay là 374.000.000 đồng (hụi đến hạn 204.000.000 đồng, tiền vay 170.000.000 đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật, đối với số tiền hụi chưa đến hạn 1.315.000.000 đồng, trả theo kỳ khui hụi là có căn cứ.

[3.2]. Xét yêu cầu xin trả dần tiền vay và tiền hụi trong thời hạn 5 năm của bà V là cố ý kéo dài thời hạn trả ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp của bà X và không được bà X đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[3.3]. Xét yêu cầu ông Ngô Văn L liên đới cùng bà V trả nợ vay và nợ hụi cho bà X: Ông L cho rằng ông không biết việc tham gia chơi hụi và vay mượn tiền giữa bà X với bà V, ông không có tham gia, ông và bà V vẫn là vợ chồng nhưng đã sống ly thân hơn 07 năm. Hội đồng xét xử nhận thấy, đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà V và ông L, nguồn tiền nợ hụi và tiền vay mượn bà V dùng vào việc kinh doanh và chi tiêu gia đình nên cần buộc ông Ngô Văn L có nghĩa vụ liên đới cùng bà Nguyễn Thị Thanh V trả tiền vay và tiền hụi cho bà X.

[4]. Đối với số tiền hụi chưa đến hạn trả theo định kỳ, cấp sơ thẩm buộc nếu bà V, ông L vi phạm ở bất kỳ lần trả nợ nào theo thỏa thuận trên thì bà V, ông L có trách nhiệm trả đủ số tiền nợ còn lại cho bà X, bà X có quyền yêu cầu thi hành án buộc bà V, ông L trả hết số nợ còn lại làm một lần là không có sở trái với thỏa thuận về nghĩa vụ góp hụi, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L bà V. Hơn nữa, trong trường hợp này các đương sự không có được sự thống nhất về phương thức trả một lần khi vi phạm nên nếu ông L bà V vi phạm nghĩa vụ trả ở kỳ nào thì chỉ phải chịu lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy

định tại Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

[5]. Mặt khác, về án phí cấp sơ thẩm nhận định miễn án phí cho ông L bà V vì là người cao tuổi nhưng trong phần Quyết định của bản án không có tuyên ông L, bà V được miễn án phí là thiếu xót cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[6]. Xét thấy, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh V kháng cáo nhưng không có cung cấp được chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét chấp nhận. Tuy nhiên, nhận định cấp sơ thẩm có những sai xót nên cần sửa án.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[8]. Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh V không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm, tuy nhiên do bà V là người cao tuổi nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí cho bà V.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 33, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh V; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 214/2022/DS- ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh V, ông Ngô Văn L có nghĩa vụ liên đới phải trả cho bà Lê Thị X số tiền 374.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với số tiền hụi 1.315.000.000 đồng, bà V, ông L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà X theo kỳ khui hụi, cụ thể như sau:

- Ngày 30/9/2022, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 43.000.000 đồng.

- Ngày 30/10/2022, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 111.000.000 đồng.

- Ngày 30/11/2022, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 41.000.000 đồng.

- Ngày 30/12/2022, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 41.000.000 đồng.

- Ngày 30/01/2023, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 111.000.000 đồng.

- Ngày 30/02/2023, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 35.000.000 đồng.

- Ngày 30/03/2023, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 35.000.000 đồng.

- Ngày 30/4/2023, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 101.000.000 đồng.

- Ngày 30/5/2023, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 31.000.000 đồng.

- Ngày 30/6/2023, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 31.000.000 đồng.

- Ngày 30/7/2023, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 81.000.000 đồng.

- Ngày 30/8/2023, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 31.000.000 đồng.

- Ngày 30/9/2023, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 31.000.000 đồng.

- Ngày 30/10/2023, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 75.000.000 đồng.

- Ngày 30/11/2023, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 25.000.000 đồng.

- Ngày 30/12/2023, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 25.000.000 đồng.

- Ngày 30/01/2024, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 71.000.000 đồng.

- Ngày 30/02/2024, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 21.000.000 đồng.

- Ngày 30/3/2024, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 15.000.000 đồng.

- Ngày 30/4/2024, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 50.000.000 đồng.

- Ngày 30/5/2024, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 15.000.000 đồng.

- Ngày 30/6/2024, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 15.000.000 đồng.

- Ngày 30/7/2024, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 65.000.000 đồng.

- Ngày 30/8/2024, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 15.000.000 đồng.

- Ngày 30/9/2024, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 15.000.000 đồng.

- Ngày 30/10/2024, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 45.000.000 đồng.

- Ngày 30/01/2025, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 45.000.000 đồng.

- Ngày 30/4/2025, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 35.000.000 đồng.

- Ngày 30/7/2025, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 25.000.000 đồng.

- Ngày 30/10/2025, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 20.000.000 đồng.

- Ngày 30/01/2026, bà V, ông L trả cho bà X số tiền 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.2. Về án phí:

- Ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh V được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Lê Thị X số tiền 31.335.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016502 ngày 26/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh V được miễn án phí dân sự phúc thẩm nên được hoàn lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0016734 ngày 10/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 19/5/2023, có mặt các đương sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục huyện C;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
DSPT-2023-T

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Tính